

Số: 2613/BC-SYT

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 10 năm 2021

## **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác cải Cách hành chính và triển khai thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong 09 tháng năm 2021 của ngành Y tế**

Theo tinh thần Công văn số 1336/SNV-CCHC ngày 15/6/2021 của Sở Nội vụ về việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC 9 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2021;

Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính và triển khai thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong 09 tháng năm 2021 của ngành Y tế như sau:

### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành:**

- Đề cụ thể hóa, thể chế hóa triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong toàn ngành, Sở Y tế, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính ngành Y tế đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện:

+ Kế hoạch số 2373/KH-SYT ngày 19/11/2020 về Cải cách hành chính ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi năm 2021.

+ Quyết định số 722/QĐ-SYT ngày 17/5/2021 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

+ Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 01/6/2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

+ Kế hoạch số 2564/KH-SYT ngày 28/9/2021 về việc thực hiện cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2025 của Sở Y tế.

+ Kế hoạch số 2609/KH-SYT ngày 04/10/2021 về việc thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, cá

nhân đôi với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025 của ngành Y tế.

+ Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Về trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai CCHC: Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trong CCHC, Sở Y tế ban hành Công văn số 505/SYT-VP ngày 21/3/2017 chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trong toàn ngành có biện pháp, giải pháp cụ thể để tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đã được Chủ tịch UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 26/8/2015.

- Tiếp tục thực hiện quy định về chế độ hội họp theo Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 22/7/2010 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm; thường xuyên tổ chức các cuộc họp, giao ban ngành, hội nghị, hội thảo bằng hình thức trực tuyến, cầu truyền hình để tiết kiệm chi phí, thời gian.

## **2. Kiểm tra việc thực hiện:**

Dự kiến quý IV năm 2021, Sở đã tổ chức kiểm tra công tác tổ chức cán bộ tại một số đơn vị trong đó có công tác cải cách hành chính (tùy vào tình hình dịch bệnh Covid-19).

## **3. Công tác tuyên truyền, phổ biến:**

- Sở Y tế đã ban hành: Kế hoạch số 947/KH-SYT ngày 16/5/2018 về phát động Phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính của Ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2021 để tuyên truyền, phổ biến, động viên, khuyến khích CBCCVN trong từng cơ quan, đơn vị hưởng ứng, thực hiện nghiêm các quy định về cải cách hành chính của Trung ương, tỉnh và của ngành; Kế hoạch số 104/KH-SYT ngày 20/01/2021 về việc tuyên truyền Cải cách hành chính ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi năm 2021.

- Duy trì thường xuyên chế độ giao ban cơ quan Sở Y tế hàng tuần, giao ban toàn ngành hàng tháng (bằng hình thức trực tuyến, cầu truyền hình khi dịch diễn biến phức tạp) để phổ biến thông tin, báo cáo kết quả thực hiện công tác của các Phòng chức năng thuộc cơ quan Sở Y tế, đơn vị trực thuộc (trong đó có công tác cải cách hành chính) để kịp thời chỉ đạo xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

- Thường xuyên đăng tải các văn bản liên quan đến công tác cải cách hành chính, các hoạt động của ngành trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

# **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

## **1. Công tác Cải cách hành chính:**

### **1.1. Công tác cải cách thể chế:**

a) Kịp thời, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh kịp thời thể chế hóa và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách của Trung ương, chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND theo quy định.

b) Soạn thảo và tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế:

- Ban hành Kế hoạch số 175/KH-SYT ngày 28/01/2021 về việc Kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021.

- Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật do Sở Y tế tham gia soạn thảo để trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đều đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, kỹ thuật soạn thảo văn bản và theo đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

Thường xuyên, tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm chất lượng, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

### **1.2. Cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa (hiện nay đã chuyển đến Trung tâm hành chính công tỉnh), một cửa liên thông:**

Hiện tại việc tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ, thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (kể từ ngày 01/4/2018), đã tạo điều kiện thuận lợi, nhanh chóng cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong liên hệ làm việc.

a) Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của Sở Y tế:

- Ban hành Kế hoạch số 287/KH-SYT ngày 23/2/2021 về việc hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021.

- Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế: 156 thủ tục. Trong đó: 156 TTHC đạt mức độ 2; 117 TTHC đạt mức độ 3 và mức độ 4. Sở Y tế thường xuyên rà soát và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố bộ TTHC, Quyết định hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi theo quy định.

- TTHC hiện có đang đăng tải trên website của Sở Y tế theo mức độ 2; tiếp tục tham gia Dự án cùng Sở Thông tin - Truyền thông về dịch vụ công mức độ 3 về lĩnh vực hành nghề Y, Dược, và quản lý trang thiết bị y tế.

b) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hoá TTHC

- Ban hành Kế hoạch số 291/KH-SYT ngày 23/2/2021 về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 của Sở Y tế.

- Tiếp tục tiến hành rà soát, đánh giá các TTHC, để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC không còn phù hợp.

- Việc công bố, cập nhật TTHC: các TTHC sau khi được rà soát bổ sung sửa đổi, bãi bỏ đã được công bố, đăng tải trên trang thông tin điện tử của ngành

theo địa chỉ [syt.quangngai.gov.vn](http://syt.quangngai.gov.vn) và [motcua.quangngai.gov.vn](http://motcua.quangngai.gov.vn) để phục vụ tra cứu, sử dụng của người dân và doanh nghiệp

c) Thực hiện niêm yết công khai, minh bạch TTHC

Các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế được niêm yết đầy đủ, chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch, đúng cách thức quy định tại trụ sở cơ quan tiếp nhận, giải quyết và tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (kể từ ngày 01/4/2018); đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và Cổng thông tin điện tử của Trung tâm Hành chính công tỉnh.

**1.3. Về cải cách tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý biến chế và tinh giản biên chế:**

Đây là một trong những nội dung Sở Y tế đặc biệt quan tâm, đến nay đã đạt được nhiều kết quả rất đáng khích lệ:

a) Xây dựng, tham mưu ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành, Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh:

- Việc sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Y tế trong thời gian qua được Sở Y tế đặc biệt quan tâm, đến nay đã đạt được nhiều kết quả rất đáng khích lệ.

- Đến tháng 9/2021, tổng số đơn vị sự nghiệp, trạm y tế hoặc tương đương đã giảm sau khi kiện toàn, sắp xếp, sáp nhập so với năm 2017 (trước khi Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 được ban hành đến nay): Giảm **39** đơn vị sự nghiệp, trạm y tế. Tăng **01** đơn vị sự nghiệp, do UBND tỉnh chuyển Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm về Sở Y tế quản lý trực tiếp, kể từ tháng 5/2019.

- Đã và đang thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp theo Nghị định 120/2020/NĐ-CP, các Phòng, Chi cục theo Nghị định 107/2020/NĐ-CP tại các Phương án 2536/PA-SYT ngày 19/11/2020, Phương án 4749/PA-SYT ngày 22/12/2020, Công văn 1678/SYT-TCCB ngày 14/7/2021,.. (hiện Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét). Đã xây dựng Đề án thành lập Bệnh viện Nội tiết trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Nội tiết gửi Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh xem xét.

- Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành, Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh định kỳ, đột xuất theo quy định.

b) Xây dựng, triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm:

- Sở Y tế đã chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi và 02 Chi cục trực thuộc (An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh,

Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 23/01/2018. Sau khi Đề án được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Y tế ban hành Công văn số 260/SYT-TCCB ngày 01/02/2018 yêu cầu Trưởng các Phòng chức năng, Chi cục trưởng 02 Chi cục trực thuộc Sở nghiêm túc thực hiện việc bố trí, sắp xếp, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý công chức và người lao động theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt và quy định của Nhà nước.

- Tính đến tháng 9/2021, Sở Y tế đã thẩm định, phê duyệt Đề án Vị trí việc làm cho 26/26 đơn vị sự nghiệp.

- Tham mưu tích cực góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức trong các cơ sở y tế công lập do Bộ Y tế soạn thảo.

- Hiện nay, Bộ Y tế chưa ban hành Thông tư hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức trong các cơ sở y tế công lập do Bộ Y tế nên Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc không có cơ sở để xây dựng, phê duyệt sửa đổi, bổ sung hoặc phê duyệt mới Đề án vị trí việc làm. Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc sẽ rà soát, tính toán lại nhu cầu biên chế toàn ngành theo định mức mới, đồng thời, thẩm định, phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm công chức, viên chức sau khi Bộ Y tế và các Bộ ngành Trung ương ban hành quy định về định mức biên chế và danh mục vị trí việc làm theo ngành.

#### c) Về thực hiện tinh giản biên chế.

- Sở Y tế đã phối hợp với Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2021 đối với 18 công chức, viên chức và hợp đồng 68/2000/NĐ-CP tại các Quyết định số: 1918/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; 867/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Kết quả thực hiện: Số công chức, viên chức, HĐ68 đã tinh giản đến tháng 9/2021: 13 người.

### **1.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách chế độ công vụ, công chức:**

#### a) Về công tác cán bộ:

- Ban hành các văn bản sau: Phương án số 442/PA-SYT về việc điều động, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2021; Xin ý kiến Sở Nội vụ, UBND tỉnh về vướng mắc về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức giữ một chức vụ lãnh đạo, quản lý (cấp phó) trên 8 năm liên tiếp;...

- Công tác bổ nhiệm: Thực hiện quy trình điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, quản lý thuộc diện UBND tỉnh, Sở Y tế quản lý 2021 theo kế hoạch, phương án đã đề ra, trong đó:

+ Bổ nhiệm mới, điều động và bổ nhiệm: 13 CCVC giữ chức vụ LĐQL tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở (bao gồm: Văn phòng Sở Y tế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, BVĐKKV Đặng Thùy Trâm, Trung tâm Y tế thị xã Đức Phổ, Trung tâm Y tế huyện Mộ

Đức, Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa, Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh, Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm).

+ Bổ nhiệm lại: Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi, Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh (diện UBND quản lý, bổ nhiệm); Chánh Thanh tra Sở Y tế; Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm; Phó Giám đốc TTYTQDY huyện Lý Sơn;...

- Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ đều thực hiện đảm bảo quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và đều công khai trên trang Thông tin điện tử của Sở Y tế.

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và phát triển nguồn nhân lực của ngành y tế:

Trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị trực thuộc, Sở Y tế đã tổng hợp, xây dựng, ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế năm 2021 (tại Kế hoạch 207/KH-SYT ngày 01/02/2021); Quyết định cử hoặc đề nghị Sở Nội vụ cử CBCCVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Tất cả các văn bản về đào tạo công khai trên trang Thông tin điện tử của Sở Y tế và gửi cho các đơn vị trực thuộc.

\* **Kết quả thực hiện:** Trong 9 tháng năm 2021, Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc đã cử 789 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ và tin học; chức danh nghề nghiệp; Y đức của người Thầy thuốc; lý luận chính trị; quản lý Nhà nước; chức danh nghề nghiệp; quốc phòng - an ninh,...

d) Công tác tuyển dụng:

Sở Y tế đã tổ chức xong vòng 1 Kỳ tuyển viên chức y tế năm 2021, với 327 chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng, có 741 thí sinh đăng ký dự tuyển (đang tạm hoãn xét tuyển vòng 2 vì dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp) để bù cho số viên chức đã nghỉ hưu, thôi việc, tinh giản biên chế.

e) Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc danh mục định kỳ chuyển đổi theo quy định tại Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 và Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Sở Y tế đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện:

- Ban hành văn bản sau: Công văn số 553/SYT-TCCB ngày 24/3/2021 về việc rà soát, xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2021 đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi tại Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ; Kế hoạch số 468/KH-SYT ngày 30/3/2021 về việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi năm 2021. Với 06 viên chức thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2021 (03 Kế toán trưởng của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế thuộc thẩm quyền quyết định chuyển đổi của Giám đốc Sở

Y tế, 03 viên chức thuộc thẩm quyền quyết định chuyển đổi của Thủ trưởng đơn vị trực thuộc); Công văn số 758/SYT-TCCB ngày 08/4/2021 về việc xin ý kiến về việc chuyển đổi vị trí công tác định kỳ đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ; Công văn số 2314/SYT-TCCB ngày 30/8/2021 về việc thực hiện định kỳ điều động, chuyển đổi vị trí công tác.

- Thực hiện báo cáo tình hình thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2021 theo quy định (tại Công văn số 634/SYT-TCCB).

- Kết quả thực hiện: 02/6 viên chức được chuyển đổi 33% kế hoạch. Sở Y tế và các đơn vị đang thực hiện quy trình chuyển đổi vị trí, vì gặp vướng mắc về việc chuyển đổi vị trí Kế toán trưởng nên phải đợi ý kiến trả lời của UBND tỉnh (đến nay, UBND tỉnh đã có Công văn số 4356/UBND-NC ngày 27/8/2021 về điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với lãnh đạo quản lý là cấp trưởng).

f) Về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính:

- Tiếp tục kiện toàn Tổ Kiểm tra 20 của Sở Y tế và kiểm tra thực hiện Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh, Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 13/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 10/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính được CBCCVN NLD trong ngành thực hiện tốt; chưa phát hiện cá nhân, tập thể vi phạm kỷ luật, kỷ cương từ tuyến tỉnh đến tuyến y tế cơ sở.

g) Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công: Thường xuyên tổ chức triển khai kế hoạch Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo quy định của Bộ Y tế nhằm giúp các đơn vị cải tiến chất lượng dịch vụ y tế công, tăng mức độ hài lòng của người dân; tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá chất lượng Bệnh viện hàng năm theo quy định.

### **1.5. Cải cách tài chính công:**

- Ban hành quy chế quản lý tài chính, tài sản công, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu: Thực hiện Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Sở Y tế đã chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp trực thuộc ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị mình.

- Thực hiện đảm bảo quy định về việc giao quyền tự chủ, tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo quy định. Số đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ tài chính cụ thể như sau:

- Chuẩn bị xây dựng phương án cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP sau khi có ý hướng dẫn của Sở Tài chính.

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên 100%: 04 đơn vị (Bao gồm: Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, phần còn lại được ngân sách Nhà nước cấp: 19 đơn vị sự nghiệp trực thuộc còn lại.

c) Đơn vị được ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động: 04 đơn vị (Trung tâm Pháp Y tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, MP, TP tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Y tế thị xã Đức Phổ).

### **1.6. Hiện đại hoá hành chính:**

Sở Y tế đã ban hành các Kế hoạch số: 2382/KH-SYT ngày 16/9/2020 về việc Ứng dụng CNTT ngành Y tế giai đoạn 2021-2025; 2383/KH-SYT ngày 16/9/2020 về việc Ứng dụng CNTT ngành Y tế năm 2021; 2259/KH-SYT ngày 29/8/2021 về việc Ứng dụng Công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số ngành Y tế năm 2022. Kết quả thực hiện trong 09 tháng năm 2021:

- 100% cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế đã kết nối cơ sở dữ liệu với Bảo hiểm xã hội tỉnh để thực hiện giao dịch điện tử phục vụ quản lý Nhà nước về Bảo hiểm y tế và giám định, thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế. Thực hiện bốc số thứ tự tự động tại các cơ sở khám chữa bệnh; xây dựng Đề án Thẻ khám bệnh thông minh, thanh toán viện phí qua thẻ không dùng tiền mặt tại Bệnh viện Sản - Nhi,... qua đó, đã góp phần giảm thời gian chờ đợi của người bệnh và người nhà bệnh nhân, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Triển khai phần mềm office trong toàn ngành, Trang thành phần tại Văn phòng Sở: Đã đem lại hiệu quả trong quản lý và kinh tế, tiết kiệm được thời gian tác nghiệp văn bản và chi phí giấy, mực in rất đáng kể; việc trao đổi, thực hiện công việc giữa Sở Y tế với các Bộ, UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc diễn ra thuận lợi, nhanh chóng.

- Quản trị hệ thống hạ tầng Công nghệ thông tin Bộ Y tế, Cổng thông tin dữ liệu Bộ Y tế, Hệ thống quản lý Danh mục dùng chung Bộ Y tế. Hỗ trợ đơn vị trong công tác triển khai phần mềm Quản lý tổng thể Bệnh viện, việc kết xuất và liên thông dữ liệu trên hệ thống phần mềm Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội.

- Quản trị hệ thống phần mềm Đường dây nóng ngành Y tế và theo dõi, tham mưu công tác triển khai thực hiện việc tiếp nhận và xử lý ý kiến của người dân qua hệ thống đường dây nóng trong toàn ngành và tổng hợp báo cáo.

- Duy trì, vận hành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công - hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi.



- Tăng cường công tác trao đổi, quản lý văn bản trên môi trường mạng. Tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về CNTT.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả, chất lượng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến ngành y tế (đảm bảo kết nối liên thông giữa Bộ Y tế, Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc).

- Phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Đề án thiết lập hệ thống số sức khỏe điện tử đến từng người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Phối hợp chuyên đổi hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

- Tăng cường chỉ đạo các đơn vị xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, đặc biệt là đối với các lĩnh vực được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn. Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh đã được Văn phòng Công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận là Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

*(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

**2.** Để triển khai thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Sở Y tế đã ban hành các kế hoạch chỉ đạo, triển khai thực hiện trong toàn ngành, cụ thể:

- Kế hoạch số 2564/KH-SYT ngày 28/9/2021 về việc thực hiện cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2025 của Sở Y tế.

- Kế hoạch số 2609/KH-SYT ngày 04/10/2021 về việc thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025 của ngành Y tế.

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Những kết quả tích cực đã đạt được:**

- Trong 9 tháng năm 2021, công tác cải cách hành chính đã được triển khai một cách toàn diện trên các nội dung như về cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính nhà nước. Đã hoàn thành tốt, vượt nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của tỉnh đề ra, mang lại hiệu quả thiết thực. Bắt đầu triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhiệm vụ để cải thiện, nâng cao điểm, chất lượng, thứ hạng 04 chỉ PAR INDEX, PAPI, SIPAS, PCI của tỉnh, của Sở Y tế.

- Việc triển khai CCHC của Sở thời gian qua đảm bảo được mục tiêu, yêu

cầu, nội dung đề ra, chấp hành tốt chỉ đạo của Bộ Y tế, tỉnh; kịp thời chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật các quy định mới về CCHC.

- Kịp thời phổ biến quán triệt các chủ trương, chính sách về CCHC đến CBCC của Sở và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Các phòng, đơn vị thay đổi lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm, hoàn thành tương đối toàn diện các công việc được giao.

- Việc đăng tải công khai thủ tục hành chính về lĩnh vực Khám chữa bệnh; Dược phẩm; Y tế dự phòng; Lĩnh vực Mỹ phẩm; Lĩnh vực Giám định Y khoa; Lĩnh vực an toàn thực phẩm; Lĩnh vực về Quản lý trang thiết bị y tế trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, cũng như trang Web của Sở Y tế giúp cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin được dễ dàng.

- Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính theo cơ chế một cửa nhanh chóng, đúng hẹn, ít để xảy ra sai sót, phiền hà.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tại Cơ quan Sở Y tế và các đơn vị trong ngành, góp phần nâng cao chất lượng KCB; công tác nâng cao đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử thường xuyên được quan tâm, tạo chuyển biến tích cực về tinh thần thái độ phục vụ.

## **2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:**

- Mặc dù, số lượng thủ tục hành chính công được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của Sở Y tế cao (117/173 TTHC, đạt 67,6%, vượt chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh đề ra) nhưng Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm và Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 còn rất thấp, chưa đạt yêu cầu. Lý do: tư tưởng của người dân, tổ chức vẫn muốn giải quyết thủ tục hành chính bằng giấy, mặc dù công chức tiếp nhận đã hướng dẫn cách giải quyết thủ tục hành chính qua môi trường mạng. Chưa xây dựng quy trình tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI.

- Dự kiến tỷ lệ % thực hiện Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 sẽ thấp, vì tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên hầu hết các Trường không mở lớp. Số lượng cán bộ y tế được cử đi bồi dưỡng chuyên sâu còn ít, chưa đáp ứng được kỳ vọng.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 03 THÁNG CUỐI NĂM 2021**

**1. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch Cải cách hành chính ngành Y tế giai đoạn 2021-2025.**

**2. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đảm bảo đúng tiến độ Kế hoạch số 2609/KH-SYT ngày 04/10/2021 về việc thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025 của ngành Y tế.**

### **3. Về cải cách thể chế:**

- Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp với tình hình mới để đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy trình, thủ tục hành chính và thực hiện các thủ tục hành chính phù hợp với quy định của pháp luật.

### **4. Về thủ tục hành chính:**

- Tập trung chỉ đạo, rà soát, sửa đổi, bổ sung và công bố thủ tục hành chính về lĩnh vực y tế nhằm khắc phục sự thiếu đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh hoặc các cơ quan Trung ương ban hành, kịp thời kiến nghị hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các thủ tục không còn phù hợp để tạo môi trường thuận lợi, phục vụ tốt nhu cầu của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế “một cửa” theo mô hình thống nhất một đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, nhằm tăng cường trách nhiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ nhân dân; tiếp tục rà soát, hoàn thiện các thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính.

- Tiếp tục cải tiến phương thức, lề lối làm việc trong cơ quan, đơn vị, tăng cường trách nhiệm của cá nhân, người đứng đầu trong giải quyết công việc.

### **5. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:**

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; thực hiện tốt việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và quản lý, sử dụng biên chế, hợp đồng lao động, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

### **6. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:**

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chế độ, chính sách, văn hóa công vụ của CBCCVN làm việc trong bộ máy cơ quan, đơn vị và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ, quản lý và sử dụng biên chế, cải cách hành chính đặc biệt là thủ tục hành chính.

- Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2021 - 2025 (để thực hiện đạt các chỉ tiêu trong lĩnh vực y tế đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX hướng đến đạt mức trung bình của cả nước

các chỉ tiêu về y tế và chăm sóc sức khỏe người dân). Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm.

- Đẩy mạnh thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện tốt việc điều động, bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức có hiệu quả phù hợp với năng lực chuyên môn.

### **7. Về cải cách tài chính công:**

Xây dựng phương án cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP sau khi có ý hướng dẫn của Sở Tài chính. Nâng cao tỷ lệ tự chủ tài chính hàng năm của các đơn vị sự nghiệp công lập để giảm chi ngân sách Nhà nước (một cách phù hợp với tình hình thực tế và dịch bệnh Covid-19 hiện nay).

### **8. Hiện đại hóa nền hành chính:**

- Tiếp tục nâng cấp và đầu tư đồng bộ hệ thống trang thiết bị CNTT đảm bảo đủ điều kiện hạ tầng kỹ thuật đáp ứng triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - công nghệ, áp dụng các tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị vào công tác quản lý, điều hành để nâng cao năng lực, chất lượng quản trị tại đơn vị sự nghiệp công lập, tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hoàn thiện, kết nối liên thông các phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong toàn ngành, bảo đảm thông suốt các cấp để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số.

- Triển khai có hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã có; tập trung triển khai Đề án Thiết lập hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử đến từng người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh thuộc lĩnh vực y tế.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 9 tháng năm 2021, Sở Y tế kính báo./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Các thành viên BCD, Tổ giúp việc BCD CCHC ngành Y tế;
- Các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB (pnhuy, 01 bản).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Xuân Mến**

**PHỤ LỤC:**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**CỦA SỞ Y TẾ TRONG 09 NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 2429/SYT-TCCB ngày 14/9/2020 của Sở Y tế)*

| STT      | Chỉ tiêu thống kê<br><i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>              | Kết quả thống kê                         |  | Ghi chú   |
|----------|--|--|--|---|
|          |  | Đơn vị tính                              | Số liệu  |   |
| <b>I</b> | <b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>   |  |  |   |
| 1        | Kế hoạch CCHC  |  |  |   |
| 1.1      | Số nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch CCHC của tỉnh (Kế hoạch 2043/KH-UBND ngày 24/12/2020) | Nhiệm vụ chủ trì thực hiện đã hoàn thành | 20   | Các nhiệm vụ giao Sở Y tế phối hợp thực hiện theo Kế hoạch đều đảm bảo theo quy định.             |
| 1.2      | Số nhiệm vụ đã hoàn thành  | Nhiệm vụ chủ trì thực hiện đã hoàn thành | 17/20 chủ trì thực hiện đã hoàn thành; 02 nhiệm vụ chưa hoàn thành (nhiệm vụ 2d, 2e của Mục II Kế hoạch); 01 nhiệm vụ chờ hướng dẫn của Bộ Y tế (nhiệm vụ 3d của Mục II Kế hoạch). |   |
| 1.3      | Số nhiệm vụ đã hoàn thành/tổng số nhiệm vụ trong Kế hoạch số 2373/KH-SYT ngày 19/11/2020   | Nhiệm vụ                                 | Tổng số nhiệm vụ theo Kế hoạch: 39.<br>- Đã hoàn thành: 28.<br>- Đang giải quyết: 08.<br>- Đợi hướng dẫn của Bộ Y tế: 02.<br>- Chưa đến thời hạn yêu cầu: 01.                      |   |
| 2        | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành  | Văn bản                                  | 23   | Còn rất nhiều các văn bản Sở Y tế đã ban hành liên quan đến thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch |

| STT      | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)     | Kết quả thống kê                 |         | Ghi chú   |
|----------|--|----------------------------------|---------|---|
|          |  | Đơn vị tính                      | Số liệu |   |
|          |  |                                  |         | CCHC của tỉnh, của ngành Y tế.  |
| 3        | Kiểm tra CCHC  |                                  |         |   |
| 3.1      | Ban hành Kế hoạch kiểm tra   | Đã ban hành=1<br>Chưa ban hành=0 | 0       | Dự kiến quý IV năm 2021, Sở đã tổ chức kiểm tra công tác tổ chức cán bộ tại một số đơn vị trong đó có công tác cải cách hành chính (tùy vào tình hình dịch bệnh Covid-19).  |
| Trong đó | Số đơn vị đã kiểm tra  | Đơn vị                           |         |   |
|          | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra   | Vấn đề                           |         |   |
|          | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong  | Vấn đề                           |         |   |
| 4        | Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (nhiệm vụ trọng tâm) |                                  |         | Theo Chương trình trọng tâm công tác của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 14/KH-UBND và Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XXIII của Đảng. |
| 4.1      | Tổng số nhiệm vụ được giao   | Nhiệm vụ                         | 18      |   |
| 4.2      | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn   | Nhiệm vụ                         | 05      | 03 NV chưa đến hạn (tức năm 2022)<br>- 10 NV đang thực hiện (03 NV thường xuyên, 07 NV giãn tiến độ và chưa trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh vì dịch Covid-19).   |

| STT                   | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)  | Kết quả thống kê                   |         | Ghi chú |
|-----------------------|---|------------------------------------|---------|---------|
|                       |   | Đơn vị tính                        | Số liệu |         |
| 4.3                   | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn   | Nhiệm vụ                           | 0       |         |
| <b>II</b>             | <b>Cải cách thể chế</b>   |                                    |         |         |
| 1                     | Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành   | Văn bản                            | 0       |         |
| 2                     | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền   | Văn bản                            | 0       |         |
| 3                     | Số VBQPPL đã rà soát  | Văn bản                            | 06      |         |
| 4                     | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát  | Văn bản                            | 06      |         |
| 5                     | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong   | Văn bản                            | 0       |         |
| <b>II</b><br><b>I</b> | <b>Cải cách thủ tục hành chính</b>  |                                    |         |         |
| 1                     | Thống kê TTHC   |                                    | 173     |         |
| 1.1                   | Số TTHC công bố mới   | Thủ tục                            | 0       |         |
| 1.2                   | Số TTHC bãi bỏ, thay thế  | Thủ tục                            | 0       |         |
| 1.3                   | Tổng số TTHC đang có hiệu lực   | Thủ tục                            | 173     |         |
| 2                     | Sử dụng đồng bộ Hệ thống phần mềm một cửa điện tử đến cấp xã (số xã đã sử dụng/tổng số xã)  | Số xã                              | -       |         |
| 3                     | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ   | %                                  | 0       |         |
| 4                     | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa  | %                                  | 0       |         |
| 5                     | Kết quả giải quyết TTHC   |                                    |         |         |
| 5.1                   | Tổng số hồ sơ TTHC do đơn vị tiếp nhận trong kỳ   | Hồ sơ                              | 741     |         |
| Trong đó              | Số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn  | Hồ sơ                              | 711     |         |
|                       | Số hồ sơ TTHC được giải quyết quá hạn   | Hồ sơ                              | 8       |         |
|                       | Số hồ sơ TTHC đang giải quyết chưa đến hạn  | Hồ sơ                              | 22      |         |
|                       | Số hồ sơ TTHC đang giải quyết quá hạn   | Hồ sơ                              | 0       |         |
| 6                     | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết một số TTHC (theo Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh) | Đã thực hiện=1<br>Chưa thực hiện=0 |         |         |
| Trong đó              | Số lượng phiếu khảo sát   | Số lượng                           | 367     |         |
|                       | Hình thức khảo sát  | Trực tuyến = 0<br>Phát phiếu = 1   | 0       |         |

| STT       | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)                                    | Kết quả thống kê    |   | Ghi chú   |
|-----------|---|---------------------|---|---|
|           |   | Đơn vị tính         | Số liệu   |   |
|           |   | Kết hợp = 2         |   |   |
| 7         | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với tổ chức, công dân về TTHC, về tinh thần, thái độ phục vụ của công chức | Không = 0<br>Có = 1 | 0   |   |
| <b>IV</b> | <b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>  |                     |   |   |
| 1         | Cơ cấu tổ chức bộ máy   |                     |   |   |
| 1.1       | Tổng số phòng, ban thuộc sở, ngành, UBND cấp huyện  | Cơ quan, đơn vị     | 08  | 06 Phòng chuyên môn thuộc Sở; 02 Chi cục trực thuộc Sở.   |
| 1.2       | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, UBND cấp huyện   | Cơ quan, đơn vị     | 26  |   |
| 1.3       | Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015  | %                   | 39 giảm/239 ĐVSN, TYT hoặc tương đương năm 2015 = Giảm 16,31% | Trong giai đoạn 2015-2021, tổng số đơn vị sự nghiệp, trạm y tế hoặc tương đương đã giảm sau khi kiện toàn, sắp xếp, sáp nhập: Giảm <b>39</b> đơn vị sự nghiệp, trạm y tế.   |
| 2         | Số liệu về biên chế công chức   |                     |   |   |
| 2.1       | Tổng số biên chế được giao trong năm  | Người               | 55  |   |
| 2.2       | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo   | Người               | 50  |   |
| 2.3       | Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước   | Người               | 0   |   |
| 2.4       | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo   | Người               | 0   |   |
| 2.5       | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015   | %                   | 14,06   | Tổng biên chế công chức tinh giản, cắt giảm giai đoạn 2015 - 2021: 09 biên chế, tương đương giảm 14,06% so với tổng biên chế được giao năm 2015 (năm 2015 giao 64, năm 2020 giao 55%). Cắt giảm vượt 02 biên chế, tương |



| STT      | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)                 | Kết quả thống kê |         | Ghi chú  |
|----------|--|------------------|---------|--|
|          |  | Đơn vị tính      | Số liệu |  |
|          |  |                  |         | đương 4,06% so với tổng biên chế giao 2015.  |
| 2.6      | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập                |                  |         |  |
| 2.6.1    | Tổng số người làm việc được giao   | Người            | 3.241   |  |
| 2.6.2    | Tổng số người làm việc có mặt  | Người            | 2.861   |  |
| 2.6.3    | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo   | Người            | 13      |  |
| 2.6.4    | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015   | %                | 26,27   | Tổng biên chế sự nghiệp, định biên y tế cấp xã tinh giản, cắt giảm giai đoạn 2015 - 2021: 1.155 biên chế, tương đương giảm 26,27% so với tổng biên chế, định biên y tế cấp xã được giao năm 2015, vượt 16,27% so với chỉ tiêu được UBND tỉnh giao (Năm 2015 UBND tỉnh giao 4.396; Năm 2020 giao 3.241 biên chế). |
| <b>V</b> | <b>Cải cách chế độ công vụ</b>   |                  |         |  |
| 1        | Vị trí việc làm của công chức, viên chức   |                  |         |  |
| 1.1      | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định         | Cơ quan, đơn vị  | 03/03   |  |
| 1.2      | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định                    | Cơ quan, đơn vị  | 26/26   |  |
| 1.3      | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị  | 0       |  |
| 2        | Tuyển dụng công chức, viên chức  |                  |         | Đã đăng ký nhu cầu tuyển dụng 06 công chức năm 2021 gửi Sở Nội vụ.   |
| 2.1      | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)                                    | Người            | 0       |  |

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)         | Kết quả thống kê                       |  | Ghi chú  |
|-----|--|--|--|--|
|     |  | Đơn vị tính                            | Số liệu  |  |
| 2.2 | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.                         | Người                                  | 0  |  |
| 2.3 | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên. | Người                                  | -  |  |
| 2.4 | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).                           | Người                                  | Đã tổ chức xong vòng 1 Kỳ tuyển viên chức y tế năm 2021, với <b>327</b> chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng, có <b>741</b> thí sinh đăng ký dự tuyển (đang tạm hoãn xét tuyển vòng 2 vì dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp) |  |
| 2.5 | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.                         | Người                                  | 0  |  |
| 3   | Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo   |  |  |  |
| 3.1 | Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển                          | Đã thực hiện = 1<br>Chưa thực hiện = 0 | 0  |  |
| 3.2 | Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới                                    | Người                                  | 0  |  |
| 3.3 | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới                        | Người                                  | 12   | 05 Bổ nhiệm mới; 07 Điều động và bổ nhiệm. Ngoài ra, còn có ông Nguyễn Hoàng Hải, Trưởng khoa Nội tổng hợp, BVĐK tỉnh được BTV Tỉnh ủy bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Ban thường trực Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh kiêm PGĐ BVĐK tỉnh Quảng Ngãi. |
| 3.4 | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới                       | Người                                  | -  |  |
| 4   | Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).        |  |  |  |
| 4.1 | Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.                        | Người                                  | 0  |  |

| STT             | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)   | Kết quả thống kê                           |   | Ghi chú |
|-----------------|--|--|---|---------|
|                 |  | Đơn vị tính                                | Số liệu                                     |         |
| 4.2             | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.  | Người                                      | 0   |         |
| 4.3             | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.  | Người                                      | 0   |         |
| 4.4             | Cán bộ cấp xã bị kỷ luật   | Người                                      | -   |         |
| 4.5             | Công chức cấp xã bị kỷ luật  | Người                                      | 0   |         |
| 5               | Về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính  |  |   |         |
| 5.1             | Về thành lập, kiện toàn Tổ Kiểm tra của cơ quan, đơn vị  | Đã thực hiện = 1<br>Chưa thực hiện = 0     | 1   |         |
| 5.2             | Số lượt kiểm tra trong kỳ báo cáo  | lượt                                       | 14 đơn vị                                   |         |
| <b>VI</b>       | <b>Cải cách tài chính công</b>   |  |   |         |
| 1               | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)  | Cơ quan, đơn vị                            | 04  |         |
| 2               | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)  | Cơ quan, đơn vị                            | 04  |         |
| 3               | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)  | Cơ quan, đơn vị                            | 18  |         |
| 4               | Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)  | Cơ quan, đơn vị                            | 04  |         |
| 5               | Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)  | Cơ quan, đơn vị                            | 0   |         |
| <b>VI<br/>I</b> | <b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>  |  |   |         |
| 1               | Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến<br>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.<br>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã. | Chưa có = 0<br>2 cấp = 1<br>3 cấp = 2      | 1   |         |
| 2               | Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia  | Chưa = 0<br>Đang làm = 1<br>Hoàn thành = 2 | 2 (thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh) |         |
| 3               | Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND  |  | -   |         |

| STT      | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)   | Kết quả thống kê                           |         | Ghi chú |
|----------|--|--|---------|---------|
|          |  | Đơn vị tính                                | Số liệu |         |
|          | cấp xã được cấp chứng thư số.  |  |         |         |
| 4        | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).  | Chưa = 0<br>Đang làm = 1<br>Hoàn thành = 2 | 1       |         |
| 5        | Số liệu về trao đổi văn bản  |  |         |         |
| 5.1      | Tổng số VĂN BẢN ĐI của cơ quan, đơn vị   | Văn bản                                    | 4.747   |         |
| Trong đó | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử). | %  | 100     |         |
|          | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy                                     | %  | 20      |         |
| 6        | Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh   |  |         |         |
| 6.1      | Sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống   | Đã thực hiện = 1<br>Chưa thực hiện = 0     | 1       |         |
| 6.2      | UBND cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống  | Đã thực hiện = 1<br>Chưa thực hiện = 0     | -       |         |
| 6.3      | UBND cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống   | Đã thực hiện = 1<br>Chưa thực hiện = 0     | -       |         |
| 7        | Dịch vụ công trực tuyến  |  |         |         |
| 7.1      | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3  | TTHC                                       | 30      |         |
| 7.2      | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4  | TTHC                                       | 18      |         |
| 7.3      | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3  | %  |         |         |
| 7.4      | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4  | %  |         |         |